



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 3

Ngày 31/03/2025	12,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	7.8%	7.8%

DT thuần Q1/25
41.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼65.4 -61.1%
YoY: ▲ 22.6 119%

LN thuần Q1/25
4.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.36 -66.9%
YoY: ▲ 4.03 3659%

LN sau thuế Q1/25
4.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.22 -63.3%
YoY: ▲ 3.94 1643%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
10.5%
YoY: +/- ▼ 1.0%

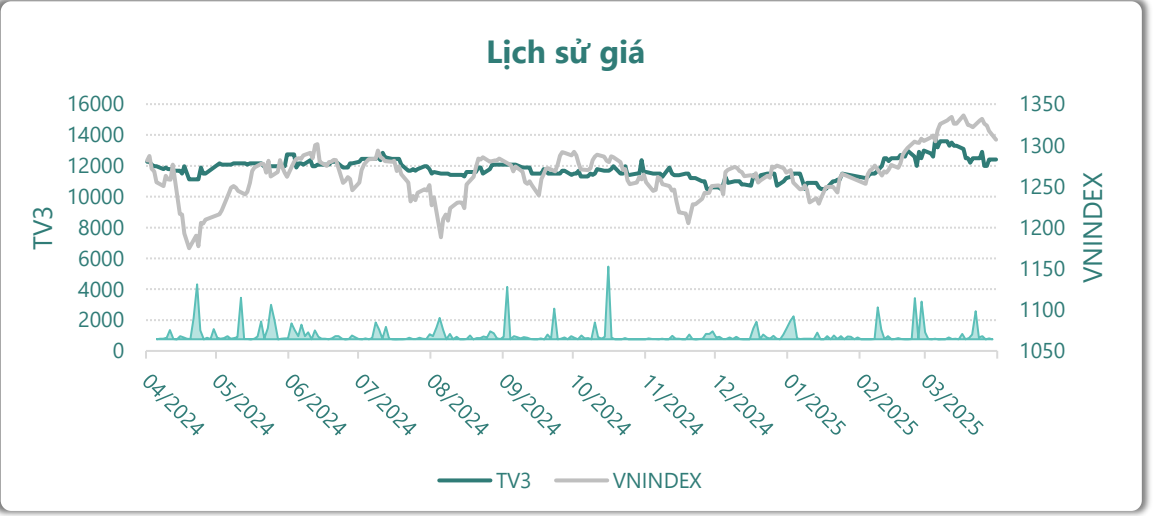
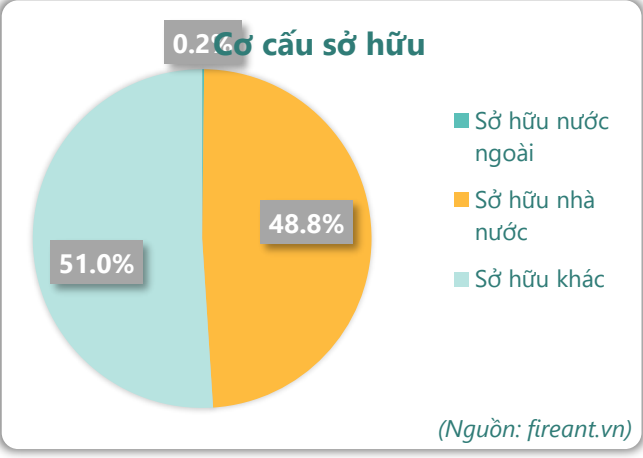
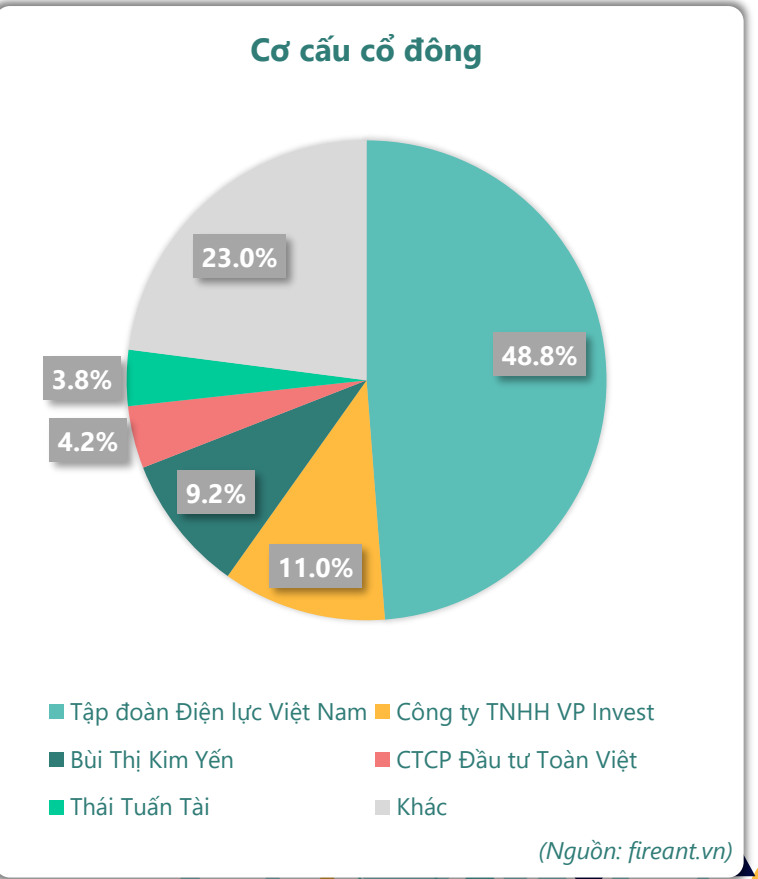
ROE (TTM) Q1/25
10.4%
YoY: +/- ▲ 2.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,500 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	118
Số lượng CPLH (CP)	9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,745
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	1,693
P/E	7.3

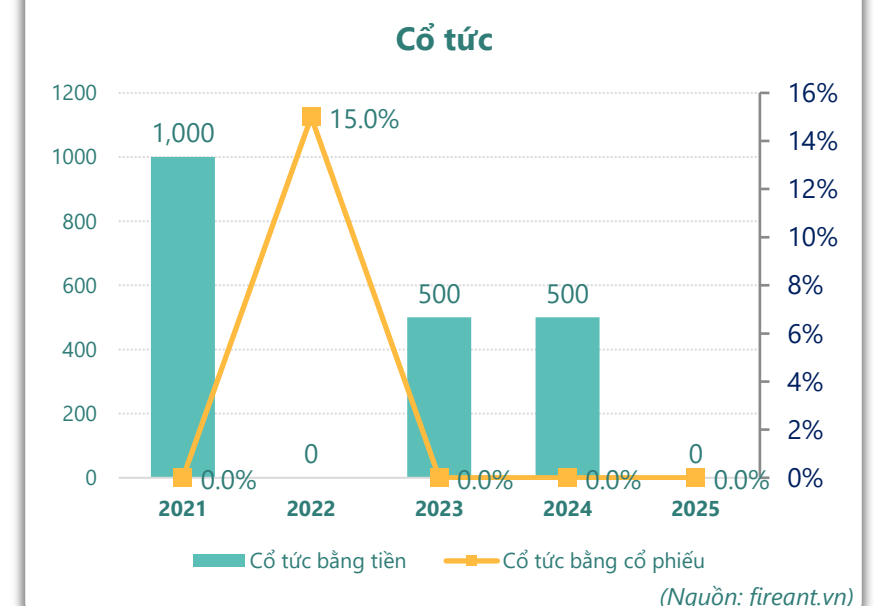
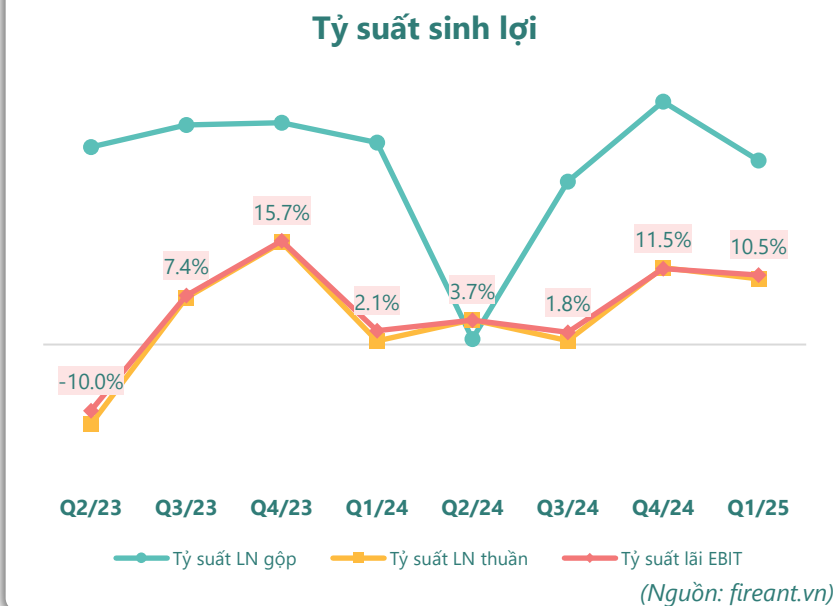
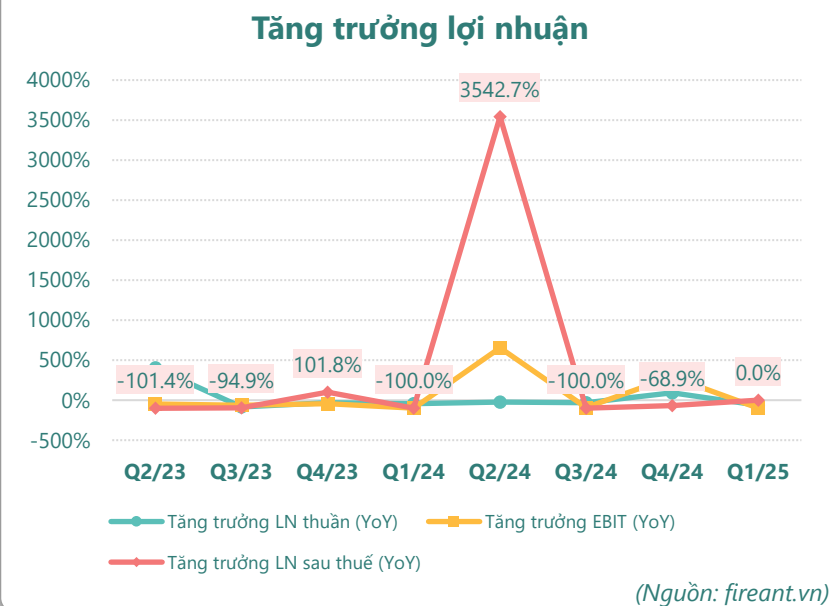
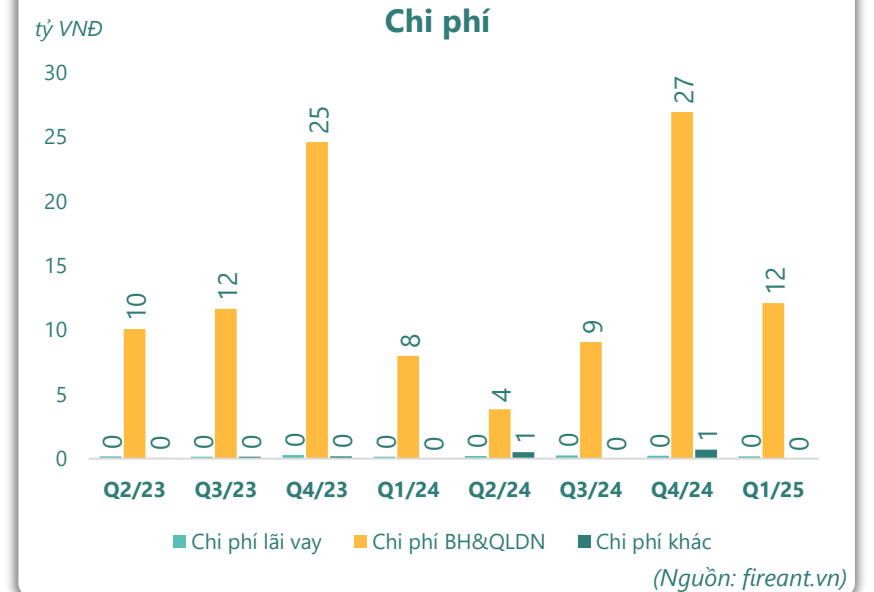
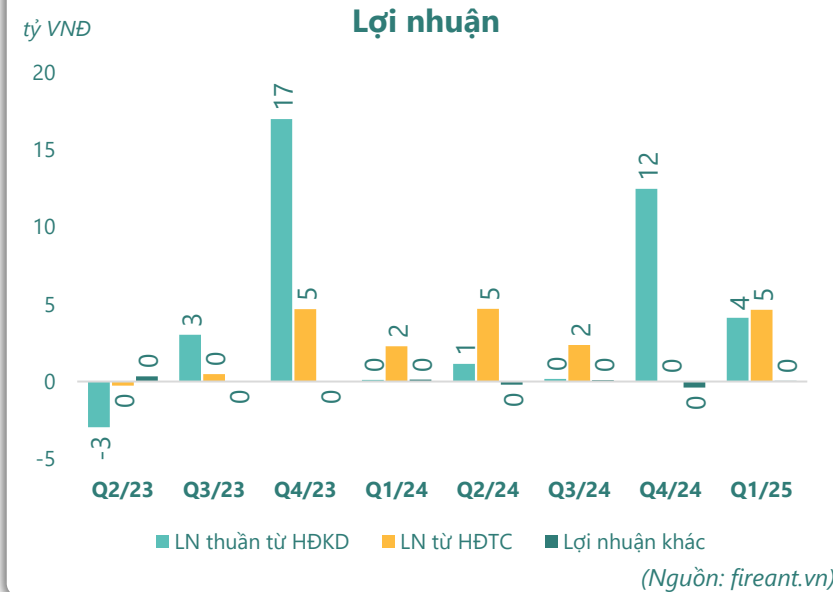
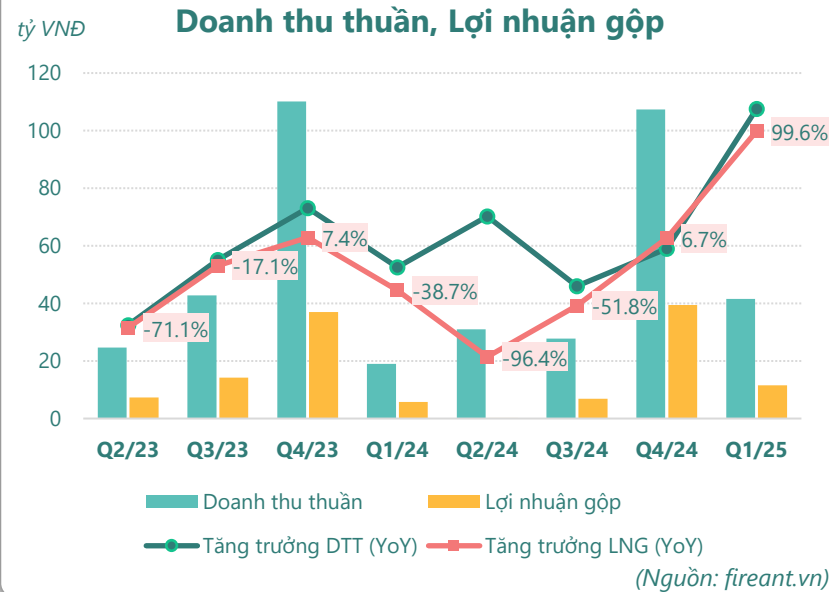
DT thuần 2024
185
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0 -7.9%

LN thuần 2024
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.20 -23.8%

LN sau thuế 2024
11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.00 -20.7%



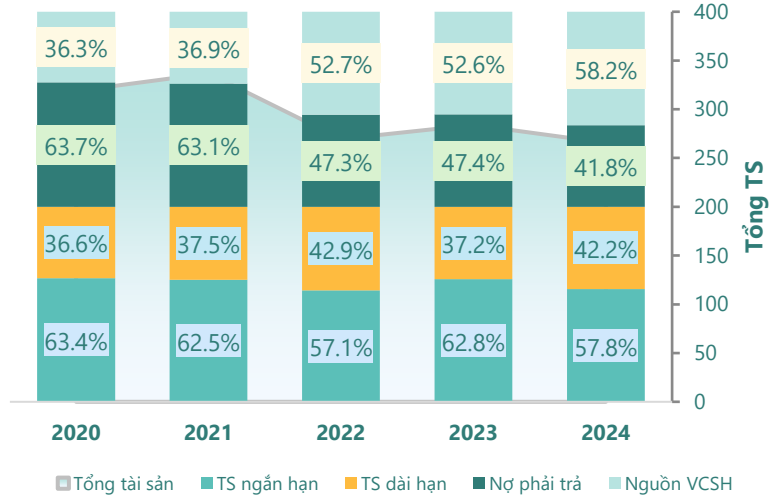
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

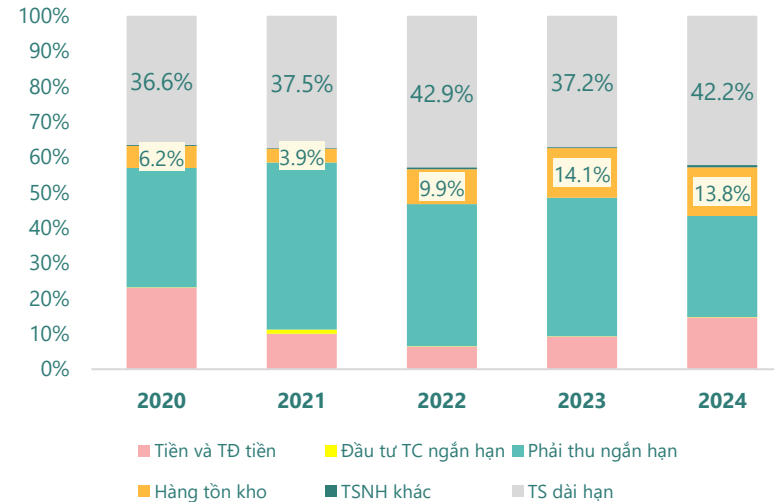
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

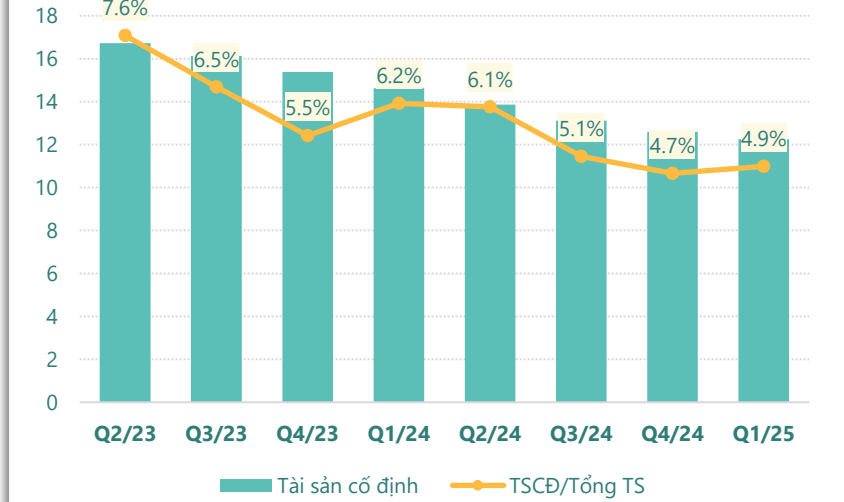
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

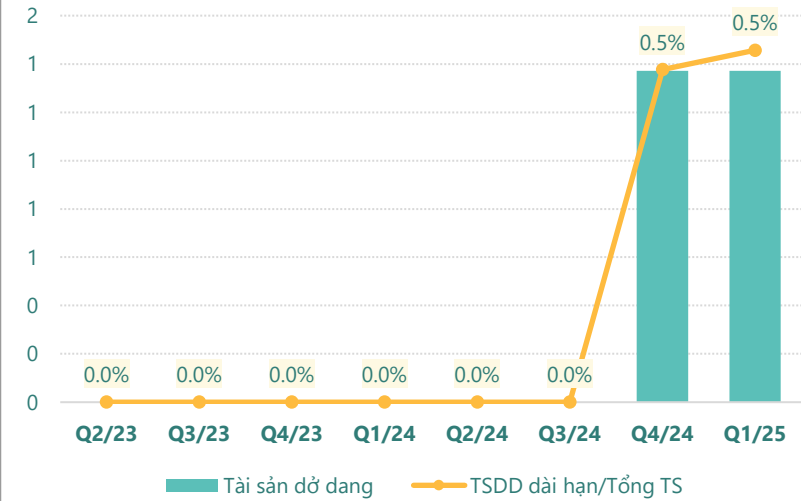
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

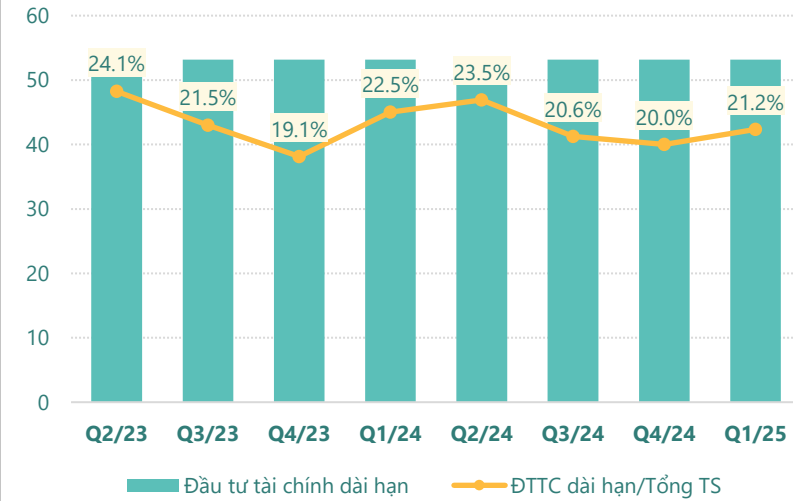
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

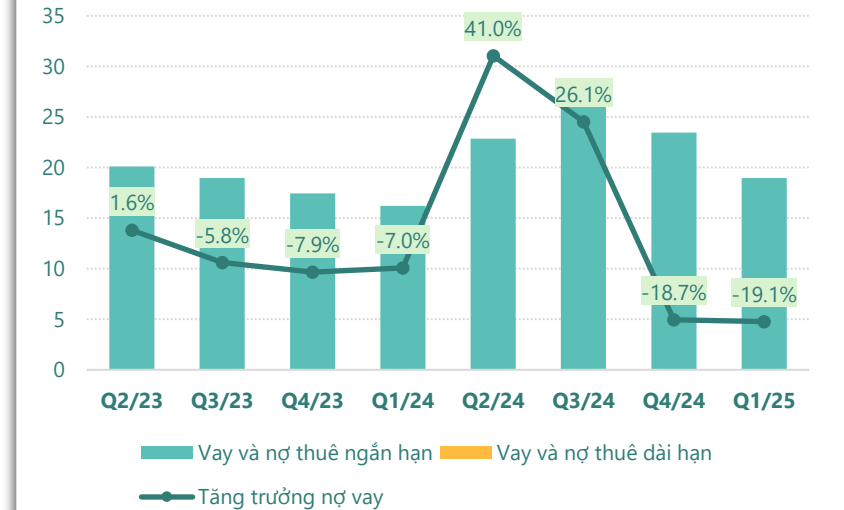
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

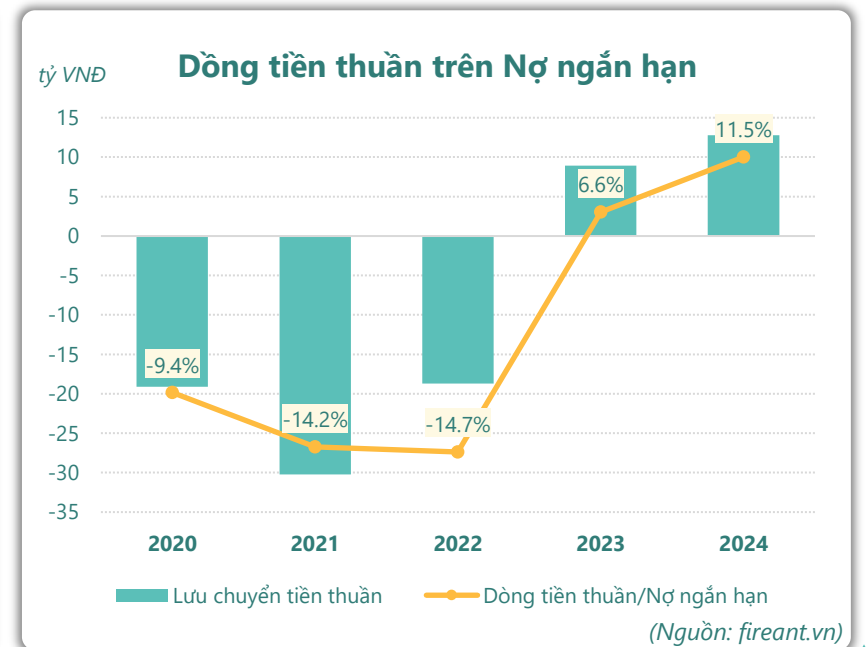
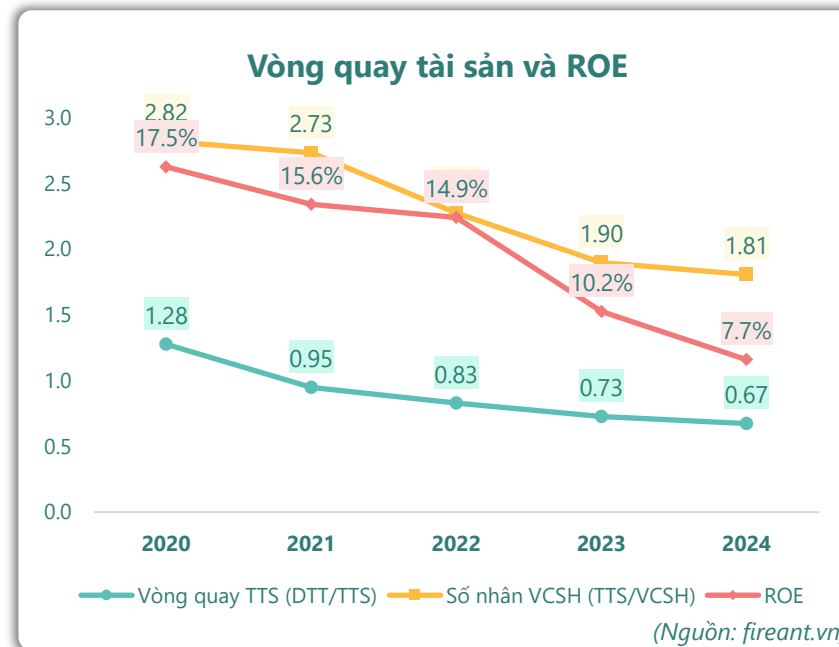
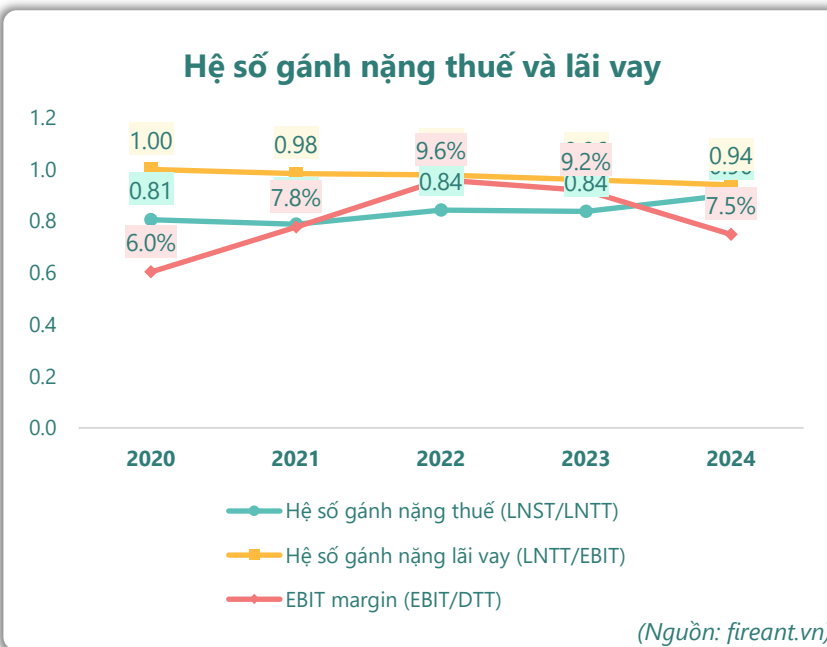
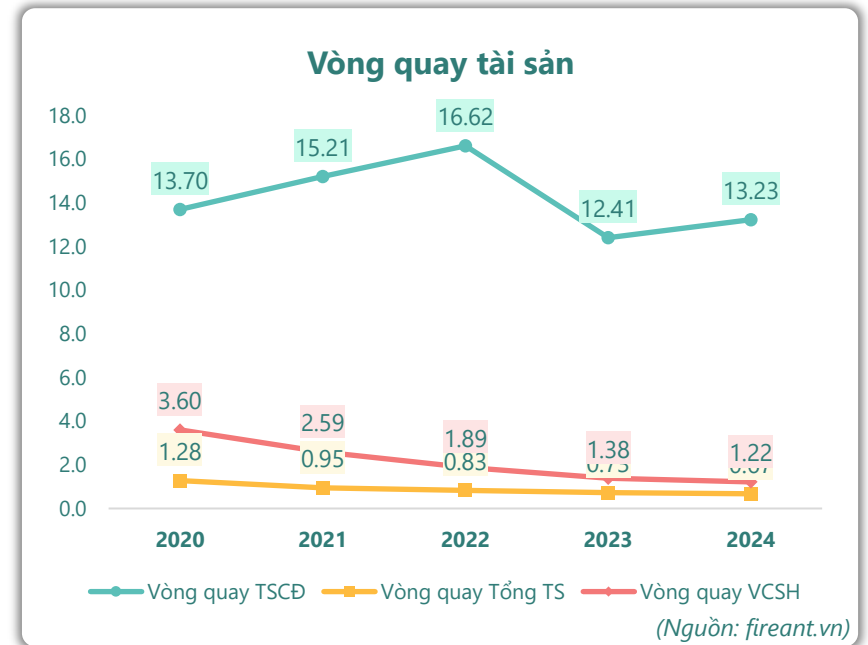
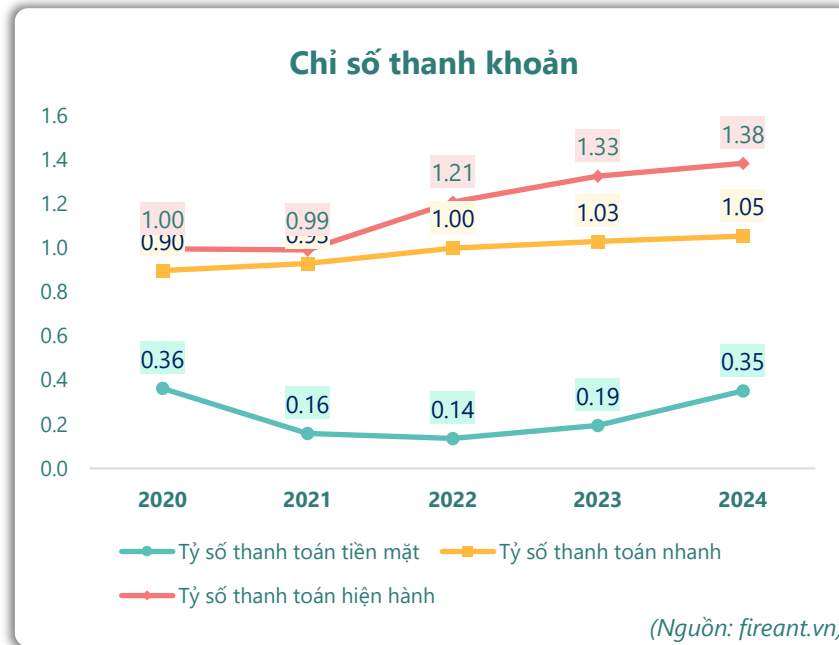
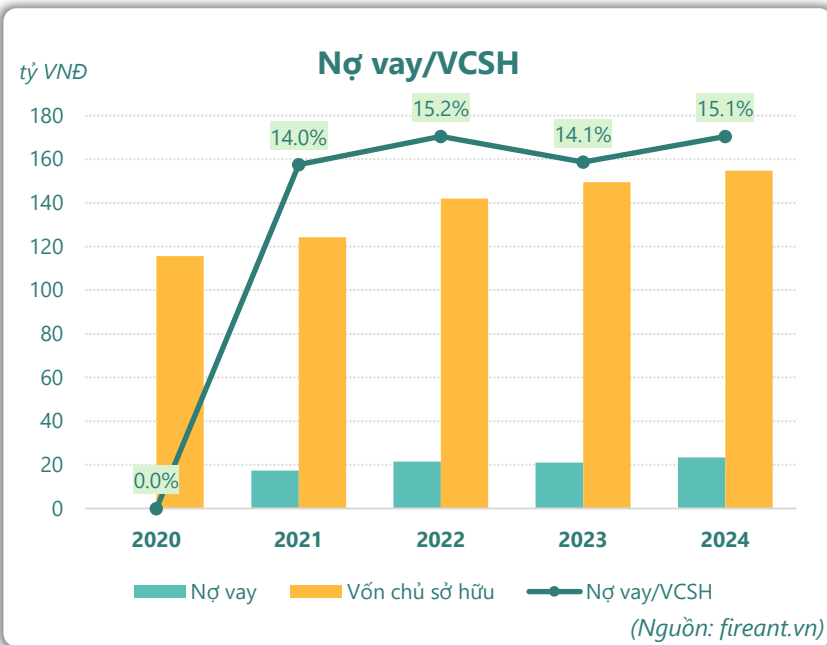
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	41.6	19.0	119%	185	201	-7.9%
Giá vốn hàng bán	30.0	13.2	127%	133	133	0.1%
Lợi nhuận gộp	11.6	5.81	99.4%	52.0	68.1	-23.6%
Doanh thu HĐTC	5.09	2.60	95.7%	11.3	6.42	76.4%
Chi phí TC	0.45	0.31	44.1%	1.91	1.86	2.7%
Chi phí lãi vay	0.18	0.16	14.4%	0.83	0.74	13.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.39	0.89	280%	9.67	12.6	-23.0%
Chi phí QLDN	8.71	7.09	22.8%	38.4	42.5	-9.6%
LN thuần từ HĐKD	4.14	0.11	3659%	13.4	17.6	-23.8%
Lợi nhuận khác	0.05	0.13	-63.5%	-0.37	0.12	-419%
LN trước thuế	4.18	0.24	1643%	13.0	17.7	-26.4%
Lợi nhuận sau thuế	4.18	0.24	1643%	11.8	14.8	-20.7%
LNST của CĐ cty mẹ	4.18	0.24	1643%	11.8	14.8	-20.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.44	-7.30	-12.4	29.4	31.3	-19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.03	2.60	4.72	2.78	-0.56	5.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.96	-10.8	10.0	-22.8	-14.2	-10.3
Tiền đầu kỳ	16.7	26.2	10.7	13.1	22.5	38.9
Lưu chuyển tiền thuần	9.51	-15.5	2.32	9.40	16.5	-25.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	26.2	10.7	13.1	22.5	38.9	13.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	251	266	-5.5%
Tài sản ngắn hạn	145	154	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	13.8	38.9	-64.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	89.3	76.0	17.6%
Hàng tồn kho	40.6	36.6	10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.49	1.73	-14.1%
Tài sản dài hạn	106	112	-5.7%
Phải thu dài hạn	38.3	44.4	-13.7%
Tài sản cố định	12.3	12.6	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.37	1.37	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.62	0.64	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.2	111	-16.9%
Nợ ngắn hạn	92.2	111	-16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.0	23.4	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.57	15.4	-57.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	159	155	2.7%
Vốn chủ sở hữu	159	155	2.7%
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

